



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG TRUNG BỘ

TẠP CHÍ

KHOA HỌC XÃ HỘI MIỀN TRUNG

Central Vietnamese Review of Social Sciences

05 (73) 2021

ISSN 1859-2635

TỔNG BIÊN TẬP

TS. Hoàng Hồng Hiệp

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

PGS.TS. Bùi Đức Hùng (Chủ tịch)

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng

Bí thư BCH Trung ương Đảng

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

GS.TS. Nguyễn Chí Bền

Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam

GS.TS. Trần Thọ Đạt

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

GS.TS. Phạm Văn Đức

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

TS. Hoàng Hồng Hiệp

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Kính

Viện Nghiên cứu Văn hóa

GS.TS. Eric Iksoon Im

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Đỗ Hoài Nam

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Vũ Bằng Tâm

University of Hawaii - Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Nguyễn Quang Thuấn

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Trần Đăng Xuyên

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

BIÊN TẬP TRỊ SỰ

ThS. Châu Ngọc Hòa

CN. Lưu Thị Diệu Hiền

C V R S S

Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

Tạp chí ra 2 tháng 1 kỳ

Số 05 năm 2021

Năm thứ mười bốn

Mục lục

Tư duy cộng đồng trong triết học chính trị của Alasdair Macintyre <i>Nguyễn Hùng Vương, Mai Thị Hồng Liên</i>	3
Chính sách kinh tế, xã hội của triều Nguyễn đối với Campuchia trong nửa đầu thế kỷ XIX <i>Bùi Anh Thư</i>	13
Nghiên cứu tác động của nhân khẩu học đến ý định khởi nghiệp kinh doanh của sinh viên khối ngành kinh tế tại thành phố Đà Nẵng <i>Phạm Quang Tín</i>	22
Phát triển ngành khai thác thủy sản tỉnh Quảng Trị <i>Châu Ngọc Hòe, Nguyễn Hoàng Yến</i>	35
Thực hiện chính sách an sinh xã hội ở thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam <i>Nguyễn Vũ Quỳnh Anh</i>	44
Chùa Quảng Nam thời hiện đại <i>Lê Xuân Thông, Đinh Thị Toan</i>	54
Quan hệ giữa việc xây dựng hình tượng người nghệ sĩ trong tác phẩm văn học và ý thức nghề nghiệp của nhà văn <i>Phạm Thị Thu Hương</i>	66
Tri thức bản địa trong việc khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên rừng của người Giáy <i>Nguyễn Thị Thu Hà, Lương Thanh Thủy</i>	77

Giấy phép xuất bản số 104/GP – BTTTT cấp ngày 22 tháng 4 năm 2013

Chế bản điện tử tại Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ; In 250 cuốn khổ 19 x 27cm; Số 05 năm 2021.

In tại Công ty TNHH MTV In Tổng hợp Đà Nẵng

Số 2, Lý Thường Kiệt - P. Thạch Thang - Q. Hải Châu - TP. Đà Nẵng * ĐT: 0236.3821038; Nộp lưu chiều tháng 10/2021

Contents

Community thinking in Alasdair Macintyre's political philosophy <i>Nguyen Hung Vuong, Mai Thi Hong Lien</i>	3
Socio-economic policies of the Nguyen dynasty towards Cambodia in the first half of the 19th century <i>Bui Anh Thu</i>	13
An investigation into effects of demographic factors on entrepreneurial intention of economics students in Da Nang city <i>Pham Quang Tin</i>	22
Fisheries development in Quang Tri province <i>Chau Ngoc Hoe, Nguyen Hoang Yen</i>	35
Implementation of social security policies in Dien Ban town, Quang Nam province <i>Nguyen Vu Quynh Anh</i>	44
Buddhist temples in Quang Nam province in modern times <i>Le Xuan Thong, Dinh Thi Toan</i>	54
The relationship between building artist images in literary works and writers' professional awareness <i>Pham Thi Thu Huong</i>	66
The Giay people's local knowledge in the exploitation, utilization, and protection of forest resources <i>Nguyen Thi Thu Ha, Luong Thanh Thuy</i>	77

Phát triển ngành khai thác thủy sản tỉnh Quảng Trị

Châu Ngọc Hòe

Nguyễn Hoàng Yến

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

Email liên hệ: chaungochoe01@gmail.com

Tóm tắt: Ngành khai thác thủy sản là hoạt động sinh kế rất quan trọng của cộng đồng ngư dân ven biển tỉnh Quảng Trị. Thời gian qua, ngành khai thác thủy sản đã đóng góp quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhất là nâng cao đời sống kinh tế - xã hội của cộng đồng ngư dân ven biển. Tuy nhiên, ngành khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh đang đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trong quá trình phát triển, nhất là những tác động tiêu cực bởi sự cố môi trường biển 2016. Nghiên cứu này tập trung phân tích thực trạng phát triển ngành khai thác thủy sản tỉnh Quảng Trị trong thời gian qua. Từ đó, đề xuất một số giải pháp phát triển bền vững ngành khai thác thủy sản của địa phương trong thời gian tới.

Từ khóa: khai thác thủy sản, sinh kế, ngư dân, ven biển, Quảng Trị.

Fisheries development in Quang Tri province

Abstract: Fisheries are considered crucial livelihood sources of coastal fishing communities in Quang Tri province. Over the past time, the industry has made important contributions to the province's socio-economic development, especially improving the communities' life. However, the industry is facing numerous difficulties and challenges, particularly negative impacts caused by the coastal disaster in 2016. This study focuses on analyzing the current status of the fishing industry in Quang Tri in recent years, then proposing feasible solutions to the sustainable development of the industry in the coming time accordingly.

Keywords: Fisheries, livelihood, fishermen, coastal area, Quang Tri.

Ngày nhận bài: 10/08/2021

Ngày duyệt đăng: 10/10/2021

1. Đặt vấn đề

Quảng Trị là một trong những tỉnh ven biển thuộc vùng Bắc Trung Bộ, có nhiều tiềm năng, lợi thế phát triển ngành khai thác thủy sản. Tuy nhiên, sự cố môi trường biển năm 2016 ở Bắc Trung Bộ đã tác động rất lớn đến ngành thủy sản nói chung và khai thác thủy sản của tỉnh nói riêng. Sự cố môi trường biển năm 2016 đã làm suy giảm mạnh thu nhập và ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống kinh tế - xã hội của cộng đồng ngư dân ven biển. Để hỗ trợ khôi phục và phát triển ngành thủy sản trong bối cảnh mới, tỉnh Quảng Trị đã ban hành và triển khai thực hiện nhiều chính sách hỗ trợ kịp thời cho cộng đồng ngư dân cũng như hỗ trợ phát triển ngành khai thác thủy sản, nhất là khai thác thủy sản xa bờ. Nhờ vậy, đến nay những tác động của sự cố môi trường biển đã cơ bản được khắc phục, ngành khai thác thủy sản từng bước phục hồi và phát triển. Tuy nhiên, đời sống kinh tế - xã hội của cộng đồng ngư dân ven biển vẫn còn gặp nhiều khó khăn, thách thức bởi tác động nhất định từ sự cố này. Nhiều hộ gia đình ngư dân còn gặp nhiều khó khăn trong việc tái phát triển hoạt động khai thác. Ngoài

ra, ngư dân ven biển tỉnh Quảng Trị cũng đang đối diện với nhiều nguy cơ, thách thức mới: nguồn lợi thủy sản ngày càng cạn kiệt, phương tiện khai thác chủ yếu là công suất nhỏ, ngư trường bị thu hẹp, rủi ro thiên tai ngày càng tăng lên, cơ sở hạ tầng nghề cá chưa đáp ứng yêu cầu phát triển,... Do vậy, nghiên cứu thực trạng và đề xuất các giải pháp phát triển bền vững ngành thủy sản tỉnh Quảng Trị là rất cần thiết hiện nay.

Để có cơ sở khoa học và thực tiễn thực hiện nghiên cứu này, bài báo sử dụng nguồn dữ liệu thứ cấp từ niên giám thống kê, báo cáo kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Trị qua các năm và nguồn dữ liệu sơ cấp được thu thập từ kết quả điều tra 280 ngư dân khai thác thủy sản ở khu vực ven biển tỉnh Quảng Trị do Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ thực hiện trong thời gian tháng 11/2020. Địa bàn điều tra là các xã/phường ven biển thuộc các huyện Gio Linh, Triệu Phong, Hải Lăng của tỉnh Quảng Trị.

2. Tình hình phát triển ngành khai thác thủy sản tỉnh Quảng Trị

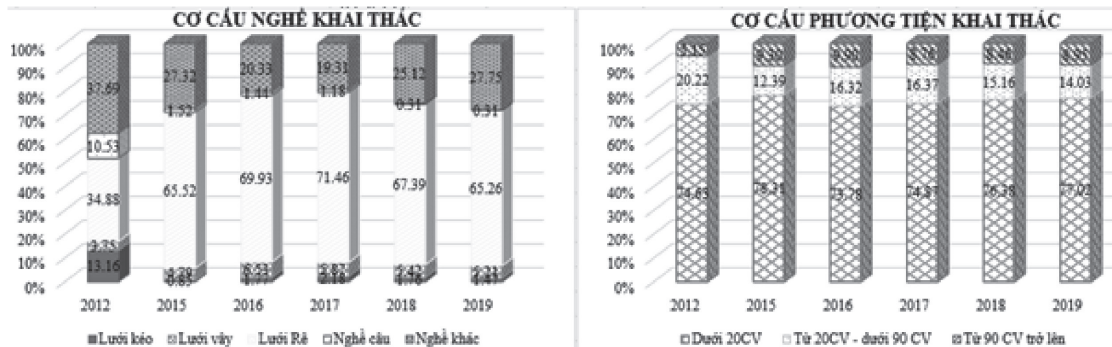
2.1. Quy mô, ngành nghề khai thác thủy sản

Tính đến năm 2019, toàn tỉnh Quảng Trị có 2.245 phương tiện khai thác thủy sản, tăng 470 phương tiện so với năm 2015. Tuy nhiên, nếu so sánh với thời điểm 2012 số phương tiện của tỉnh chỉ tăng 109 phương tiện. Các phương tiện khai thác thủy sản của tỉnh chủ yếu có công suất nhỏ dưới 20CV, chiếm 77% với 1729 phương tiện, về số lượng tăng hơn 339 phương tiện so với năm 2015. Số phương tiện có công suất từ 90CV trở lên mặc dù tăng nhanh từ 110 phương tiện năm 2012 lên 201 phương tiện năm 2019, nhưng tỷ trọng rất nhỏ bé, chiếm 8,95%. So với các địa phương Bắc Trung Bộ, Quảng Trị là địa phương có số lượng phương tiện khai thác ít nhất, đặc biệt các phương tiện khai thác xa bờ. Tính đến năm 2020, toàn tỉnh Quảng Trị chỉ có 201 phương tiện có công suất từ 90 CV trở lên, thấp hơn Hà Tĩnh (343 phương tiện), Quảng Bình (1.341 phương tiện), Thừa Thiên Huế (320 phương tiện) (Tổng cục Thống kê, 2021). Như vậy, tỉnh Quảng Trị có phương tiện khai thác chủ yếu công suất nhỏ, hoạt động ở các ngư trường ven bờ và có số lượng thấp hơn nhiều so với các tỉnh lân cận.

Về công suất phương tiện, tính đến năm 2019 tổng công suất máy các phương tiện khai thác của tỉnh Quảng Trị trên 113 nghìn CV, tăng hơn 43 nghìn CV so với năm 2015. Trong đó, công suất của phương tiện trên 400CV là lớn nhất với hơn 71 nghìn CV, bình quân trên 500CV/phương tiện, bao gồm 32 tàu khai thác được đóng mới theo Nghị định 67 của Chính phủ. Bên cạnh đó, toàn tỉnh còn có 67 phương tiện có công suất từ 90CV đến dưới 400CV, với tổng công suất trên 14,4 nghìn CV, bình quân đạt 216CV/phương tiện. So với năm 2015, tổng công suất phương tiện tăng hơn 43 nghìn CV, bình quân hàng năm đạt 12,77%/năm. Như vậy, cả về phương tiện từ 90CV trở lên và công suất tàu thuyền của tỉnh Quảng Trị đều tăng đáng kể trong thời gian qua.

Về ngành nghề, hoạt động khai thác thủy sản của tỉnh Quảng Trị chủ yếu là các nghề lưới kéo, lưới vây, lưới rê, câu và một số ngành nghề khác. Trong đó, nghề lưới rê là nghề khai thác chủ yếu của cộng đồng ngư dân ven biển với 65,26% số phương tiện trên địa bàn tỉnh. Tiếp đến là nghề lưới vây chiếm 5,21% số phương tiện khai thác. Nghề lưới vây có xu hướng tăng lên là do hiệu quả khai thác của nghề này khá cao, đặc biệt nghề lưới vây xa bờ đã chứng minh được hiệu quả thiết thực trong hoạt động khai thác trong phạm vi cả nước trong thời gian qua. Tuy nhiên, để phát triển nghề lưới vây đòi hỏi cần đầu tư phương tiện công suất lớn, công nghệ, ngư lưới cụ, máy móc hiện đại hơn. Các ngành nghề khác như lưới kéo, câu, lặn, bẫy mực, rập ghe, đăng, đáy, hỗn hợp, giã cào,... có số lượng phương tiện thấp, nhưng vẫn còn chiếm đến 29,53% trong tổng số phương tiện khai thác của tỉnh.

Hình 1. Cơ cấu phương tiện và ngành nghề khai thác thủy sản tỉnh Quảng Trị



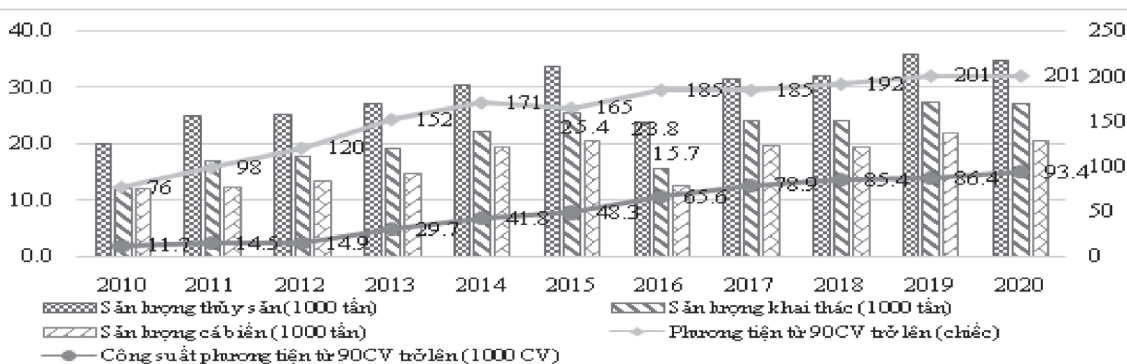
Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Quảng Trị (2016, 2019)

2.2. Sản lượng, doanh thu và lợi nhuận khai thác thủy sản

Tính đến năm 2020 sản lượng khai thác thủy sản toàn tỉnh Quảng Trị đạt 27,16 nghìn tấn, tăng gần 15 nghìn tấn so với năm 2010, bình quân giai đoạn 2011-2020 tăng 8,36%/năm, chiếm 77,5% tổng sản lượng thủy sản toàn tỉnh. Trong đó, sản lượng cá biển đạt 20,7 nghìn tấn, tăng 8,7 nghìn tấn so với năm 2010, tăng bình quân 5,6%/năm. Mặc dù có sự gia tăng nhanh về sản lượng khai thác, nhưng tỉnh Quảng Trị có sản lượng thủy sản thấp nhất so với 04 địa phương Bắc Trung Bộ. Tính đến năm 2020, sản lượng thủy sản của tỉnh Quảng Trị chỉ bằng 68,78% của tỉnh Hà Tĩnh, 36,41% của tỉnh Quảng Bình, 69,37% của tỉnh Thừa Thiên Huế (Tổng cục Thống kê, 2021).

Hình 2 cho thấy, số lượng phương tiện và tổng công suất phương tiện từ 90CV trở lên có xu hướng tăng trong cả giai đoạn 2011-2020. Tuy nhiên, về sản lượng thủy sản nói chung, sản lượng khai thác cá biển nói riêng cũng có xu hướng tăng theo từng giai đoạn từ 2010-2015, 2016-2020. Hình 2 chỉ ra tác động to lớn của sự cố môi trường biển năm 2016 đến ngành khai thác thủy sản của tỉnh. Nếu như năm 2015, sản lượng khai thác của tỉnh đạt 25,4 nghìn tấn và sản lượng cá đạt 20,6 nghìn tấn thì đến năm 2016 đã giảm rất mạnh, sản lượng thủy sản khai thác chỉ còn 15,7 nghìn tấn (giảm 9,7 nghìn tấn), sản lượng cá biển chỉ còn 12,7 nghìn tấn (giảm 7,9 nghìn tấn). Từ năm 2017 trở đi sản lượng thủy sản khai thác và cá biển từng bước phục hồi và đến năm 2019 mới đạt vượt sản lượng năm 2015. Như vậy, sự cố môi trường biển 2016 đã tác động đến tổng sản lượng khai thác của tỉnh trong 03 năm từ 2016 – 2018.

Hình 2. Tình hình phát triển hoạt động khai thác thủy sản tỉnh Quảng Trị



Nguồn: Tổng cục Thống kê (2021)

Bảng 1 cho thấy, năm 2015 sản lượng thủy sản khai thác bình quân đạt 14,33 tấn/phương tiện, trong đó sản lượng cá biển đạt 11,61 tấn/phương tiện thì đến năm 2016 cả sản lượng khai thác và sản lượng cá biển giảm mạnh, chỉ còn 8,41 tấn thủy sản/phương tiện và 6,8 tấn cá/phương tiện. Đến năm 2019, sản lượng thủy sản khai thác bình quân phương tiện mới chỉ đạt 12,2 tấn và sản lượng cá biển chỉ đạt 9,84 tấn. Như vậy, sự cố môi trường biển đã tác động rất lớn đến sản lượng khai thác thủy sản và sản lượng cá biển bình quân mỗi phương tiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Mặc dù có nhiều nỗ lực để phục hồi và phát triển ngành khai thác thủy sản, song đến năm 2019 thì sản lượng thủy sản bình quân vẫn còn thấp hơn thời điểm trước khi sự cố môi trường biển diễn ra.

Bảng 1. Sản lượng thủy sản bình quân/phương tiện khai thác

ĐVT: Tấn/phương tiện

TT	Chỉ tiêu	2012	2015	2016	2017	2018	2019
1	Sản lượng thủy sản	8,30	14,33	8,41	11,44	10,66	12,20
2	Sản lượng cá biển	6,32	11,61	6,80	9,37	8,59	9,84

Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Quảng Trị năm 2019.

Kết quả điều tra của ISSCR (2020) cho thấy, tại thời điểm năm 2019 doanh thu bình quân hàng năm của các phương tiện khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh đạt 7,5 triệu đồng/phương tiện/chuyến đi biển, trung bình hàng năm đạt 246,1 triệu đồng/phương tiện; lợi nhuận bình quân đạt 1,6 triệu đồng/phương tiện/chuyến và cả năm đạt 175 triệu đồng/phương tiện; thu nhập bình quân lao động đạt 32 triệu đồng/năm. So với thời điểm trước sự cố môi trường biển 2016 thì doanh thu, lợi nhuận và thu nhập bình quân đều giảm mạnh. Theo đó, doanh thu bình quân hàng năm/phương tiện chỉ bằng 50,5% so với năm 2015, lợi nhuận bình quân hàng năm/phương tiện chỉ bằng 45,9% so với trước và thu nhập lao động bình quân chỉ bằng 60,4% so với trước. Như vậy, từ số liệu thống kê cũng như từ kết quả điều tra cộng đồng ngư dân ven biển trên địa bàn tỉnh Quảng Trị cho thấy, sự cố môi trường biển năm 2016 có tác động hết sức nghiêm trọng đến phát triển ngành khai thác thủy sản và đời sống của cộng đồng ngư dân ven biển của tỉnh.

Bảng 2. Một số chỉ tiêu trong hoạt động khai thác thủy sản của ngư dân ven biển tỉnh Quảng Trị

ĐVT: Triệu đồng

		Trước 2016			2019		
		Trung bình	Trung vị	Mode	Trung bình	Trung vị	Mode
1	Doanh thu trung bình mỗi chuyến đi	17,5	4,0	1,0	7,5	1,5	1,0
2	Doanh thu trung bình một năm	487,5	120,0	50,0	246,1	95,0	40,0
3	Lợi nhuận trung bình cho mỗi chuyến đi biển	7,9	1,6	0,7	1,6	0,7	0,5
4	Lợi nhuận bình quân hàng năm	381,0	100,0	100,0	175,0	60,0	30,0
5	Thu nhập lao động đi bạn (làm thuê)	53,5	50,0	70,0	32,0	30,0	15,0

Nguồn: Kết quả điều tra của ISSCR (2020)

2.3. Về ngư trường, công nghệ khai thác thủy sản

Kết quả điều tra của ISSCR (2020) cho thấy, ngư trường khai thác của cộng đồng ngư dân ven biển tỉnh Quảng Trị chủ yếu là khai thác gần bờ (chiếm 62,69%), tiếp đến là vùng lộng

có 19,27% và xa bờ có 16,82%. Ngoài ra, khai thác thủy sản dọc các cửa sông, khu vực ven sông trên địa bàn tỉnh chiếm 1,22%. Như vậy, hoạt động khai thác thủy sản của ngư dân trước thời điểm 2016 và năm 2019 chỉ có sự chuyển dịch nhẹ giữa khai thác gần bờ và xa bờ. Điều này là do một bộ phận ngư dân (chủ yếu là đi làm thuê) trước đây tham gia đánh bắt xa bờ chuyển sang làm nghề gần bờ.

Bảng 3. Ngư trường khai thác thủy sản của ngư dân ven biển tỉnh Quảng Trị

ĐVT: %

TT	Ngư trường	Trước 2016	2019
1	Sông, đầm phá ven biển	1,7	1,22
2	Gần bờ	53,3	62,69
3	Vùng lộng	20,0	19,27
4	Xa bờ	25,0	16,82

Nguồn: Kết quả điều tra của ISSCR (2020)

Về công nghệ khai thác, kết quả điều tra cho thấy, trước năm 2016 có 14,3% số ngư dân cho rằng trình độ máy móc, thiết bị yếu kém, 11,3% ngư dân cho rằng công nghệ khai thác yếu kém; trong khi đó tỷ lệ ngư dân đánh giá tích cực về trình độ công nghệ và máy móc thiết bị là tương đối cao. Tuy nhiên, thời gian gần đây nhiều máy móc công nghệ mới ra đời, đặc biệt một số tàu có công nghệ khai thác hiện đại nên đánh giá của ngư dân có sự thay đổi. Đến năm 2019, có đến 31,4% số ngư dân cho rằng máy móc thiết bị yếu kém và 30,4% ngư dân cho rằng công nghệ khai thác yếu kém. Trong khi đó, tỷ lệ ngư dân đánh giá cao trình độ máy móc, thiết bị, công nghệ đã giảm đi khá lớn so với trước. Tương tự, trước 2016 chỉ có 15,5% ngư dân đánh giá công nghệ bảo quản ở mức yếu kém thì đến năm 2019 tỷ lệ này tăng lên 25,7%; năm 2016 có đến 24,1% ngư dân đánh giá công nghệ bảo quản ở mức tốt thì đến năm 2019 tỷ lệ này chỉ còn 20%.

Bảng 4. Đánh giá của ngư dân về công nghệ, triển vọng phát triển

ĐVT: %

TT	Chỉ tiêu	Trước 2016					2019				
		Rất kém	Kém	Trung bình	Tốt	Rất tốt	Rất kém	Kém	Trung bình	Tốt	Rất tốt
1	Trình độ máy móc, thiết bị	3,4	11,9	49,2	35,6	0,0	4,3	27,1	51,4	17,1	0,0
2	Trình độ công nghệ khai thác	2,5	8,8	66,7	19,3	1,8	2,9	27,5	55,1	13,0	1,4
3	Công nghệ bảo quản	1,7	13,8	60,3	22,4	1,7	0,0	25,7	54,3	17,1	2,9
4	Hài lòng với nghề	1,7	6,9	55,2	32,8	3,4	0,0	27,1	52,9	15,7	4,3
5	Triển vọng phát triển	1,7	1,7	44,8	36,2	15,5	8,5	16,9	52,1	19,7	2,8

Nguồn: Kết quả điều tra của ISSCR (2020)

Kết quả khảo sát cũng chỉ ra rằng, có từ 20% số ngư dân đánh giá rất cao về mức độ hài lòng và triển vọng phát triển của nghề khai thác trong tương lai. Tuy nhiên, so với thời điểm trước 2016 thì số lượng ngư dân bị quan hơn với nghề khai thác cũng như triển vọng phát triển có chiều hướng tăng lên. Cụ thể năm 2016, chỉ có 8,6% số ngư dân không hài lòng với nghề và

3,4% số ngư dân bị quan với triển vọng phát triển thì đến năm 2019 con số này tăng lên lần lượt là 27,1% và 25,4%. Nguyên nhân là do nguồn lợi thủy sản ngày càng suy giảm, ngư trường bị thu hẹp, hiệu quả khai thác có giảm so với trước, trong khi đó chi phí sản xuất tăng lên đáng kể. Bên cạnh đó, sự phát triển của công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn tỉnh cũng đã thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu lao động, làm gia tăng mức độ không hài lòng đối với nghề khai thác thủy sản. Điều này cũng phù hợp với thực tiễn phát triển ngành khai thác thủy sản ở địa phương khi đội ngũ lao động trẻ thường lựa chọn vào làm việc trong các lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ với mức lương cao và ổn định hơn. Trong khi đó, lực lượng lao động cao tuổi hơn khó chuyển đổi ngành nghề buộc phải gắn với hoạt động khai thác truyền thống với các phương tiện công suất nhỏ.

2.4. Về cơ sở hạ tầng nghề cá

Trên địa bàn tỉnh Quảng Trị có 02 cảng cá chính là Cửa Việt và Cửa Tùng. Ngoài ra, còn có cảng cá trên đảo Cồn Cỏ, cảng cá này được đầu tư xây dựng đạt cấp độ II, có thể tiếp nhận cập cảng của tàu có công suất 200CV. Tuy nhiên, các cảng cá Cửa Việt, Cửa Tùng không đảm bảo đáp ứng nhu cầu của các phương tiện khai thác, nhất là các tàu công suất lớn. Theo đó, cảng Cửa Việt chỉ tiếp nhận được các tàu có công suất đến 250CV, cảng Cửa Tùng cũng chỉ tiếp nhận các tàu có công suất đến 500CV (UBND tỉnh Quảng Trị, 2020). Ngoài ra, luồng lạch ra vào cảng cũng bị bồi lấp thường xuyên khiến phương tiện công suất lớn ra vào hết sức khó khăn (Bảo Bình, 2020). Theo kết quả khảo sát, có 27,5% ngư dân cho rằng hệ thống cảng cá, bến cá còn kém, chưa đáp ứng được nhu cầu của ngư dân; 16,1% ngư dân cho rằng luồng, lạch là rất kém, các phương tiện công suất lớn đi vào hết sức khó khăn và có đến 69,6% số ngư dân đánh giá ở mức trung bình, chỉ có 14,3% số ngư dân đánh giá tốt. Bên cạnh đó, dịch vụ bốc xếp và lưu kho ở cảng cũng vẫn đang khó khăn nhất định đối với cộng đồng ngư dân ven biển trên địa bàn tỉnh hiện nay.

Dịch vụ sửa chữa tàu thuyền trên địa bàn tỉnh được đánh giá khá tích cực, có hơn 44,5% ngư dân đánh giá tốt và rất tốt dịch vụ này, chỉ có 3,2% ngư dân cho rằng chất lượng chưa tốt. Khu neo đậu tránh, trú bão cũng là vấn đề đang đặt ra đối với phát triển bền vững ngành khai thác thủy sản hiện nay của tỉnh Quảng Trị. Theo kết quả điều tra có 10,3% số ngư dân trên địa bàn tỉnh cho rằng chất lượng khu neo đậu là kém, chưa đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất của người dân và 60,3% đánh giá ở mức trung bình. Điều này cũng phù hợp với thực tiễn trên địa bàn tỉnh khi các tàu thuyền công suất lớn không vào khu neo đậu được do luồng, lạch bồi lắng thường xuyên và nghiêm trọng. Đặc biệt, vào mùa mưa bão, các tàu công suất lớn rất khó khăn trong tìm chỗ neo đậu, tránh trú bão.

Bảng 5. Đánh giá của ngư dân về chất lượng cơ sở hạ tầng nghề cá

ĐVT: %

TT	Chỉ tiêu đánh giá	Rất kém	Kém	Trung bình	Tốt	Rất tốt
1	Cơ sở hạ tầng cảng cá, bến cá	10,3	17,2	63,8	6,9	1,7
2	Luồng, lạch, cửa biển ra vào	0,0	16,1	69,6	12,5	1,8
3	Dịch vụ bốc xếp	2,0	7,8	78,4	11,8	0,0
4	Kho lưu trữ	1,9	11,5	73,1	13,5	0,0
5	Dịch vụ sửa chữa tàu thuyền	0,0	3,2	52,4	41,3	3,2
6	Khu neo đậu tránh, trú bão	3,4	6,9	60,3	22,4	6,9

Nguồn: Kết quả điều tra của ISSCR (2020)

3. Một số khó khăn, thách thức đối với ngành khai thác thủy sản của cộng đồng ngư dân ven biển tỉnh Quảng Trị

Thứ nhất, các phương tiện khai thác thủy sản của tỉnh Quảng Trị vẫn chủ yếu có công suất nhỏ, bình quân chỉ đạt 50,5 CV/phương tiện. Theo số liệu thống kê cho thấy, có đến

77,02% số phương tiện khai thác có công suất dưới 20 CV. Trong khi đó, số phương tiện có công suất từ 90CV trở lên có thể hoạt động khai thác xa bờ chỉ có 201 phương tiện, chiếm 8,95%. Trong khi đó, nguồn lợi thủy sản ven bờ ngày càng suy giảm, cạn kiệt đã ảnh hưởng lớn đến hiệu quả khai thác, thu nhập và đời sống kinh tế - xã hội của cộng đồng ngư dân.

Thứ hai, cơ sở hạ tầng nghề cá hiện nay đang chưa đáp ứng được nhu cầu của cộng đồng ngư dân. Hệ thống cảng cá được đầu tư trước đó không đủ năng lực tiếp nhận các tàu thuyền có công suất lớn, tàu vỏ thép, vỏ composit,... được đóng mới theo Nghị định số 67/ND-CP. Nhất là 02 cảng cá lớn trên địa bàn tỉnh cũng chỉ được thiết kế phục vụ cho các phương tiện có công suất tối đa từ 300-500 CV và chiều dài phương tiện là 24 m. Bên cạnh đó, hệ thống luồng, lạch, cửa biển thường xuyên bồi lấp hàng năm đã gây khó khăn lớn đến hoạt động ra vào cảng, âu thuyền của các phương tiện, nhất là phương tiện công suất lớn.

Thứ ba, nguồn lợi thủy sản suy giảm nghiêm trọng đang là thách thức lớn đối với cộng đồng ngư dân. Đặc biệt, từ sau sự cố môi trường biển cùng với đó là phát thải của con người trong quá trình hoạt động sản xuất, đời sống đã tác động rất mạnh đến nguồn lợi thủy sản ven bờ. Kết quả điều tra cũng cho thấy, có đến 50% số ngư dân trên địa bàn tỉnh nhận định đang gặp khó khăn rất lớn do nguồn lợi thủy sản suy giảm hiện nay. Đặc biệt, có đến 46,5% số ngư dân lo lắng rủi ro lỗ vốn khi vươn khơi khai thác thủy sản.

Thứ tư, các yếu tố đầu vào như vốn, lao động, công nghệ, giá nhiên liệu cũng tạo ra những khó khăn nhất định đối với hoạt động khai thác của cộng đồng ngư dân ven biển trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Theo kết quả điều tra, có 27,3% ngư dân nhận định gặp khó khăn về công nghệ khai thác; 28,1% số ngư dân gặp khó khăn về công nghệ bảo quản; 47,8% ngư dân gặp lo ngại rủi ro thiên tai.

Thứ năm, thị trường tiêu thụ các sản phẩm thủy sản khai thác cũng là vấn đề được nhiều ngư dân ven biển của tỉnh rất quan tâm. Kết quả điều tra cho thấy, có đến 35,2% số ngư dân nhận định gặp khó khăn về thị trường và 26,4% số ngư dân rất lo ngại trong vấn đề đầu nậu ép giá. Đặc biệt, dịch bệnh Covid – 19 diễn biến phức tạp trong nước và trên thế giới đã tác động mạnh đến hoạt động chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị nói riêng và cả nước nói chung.

Bảng 6. Đánh giá những khó khăn trong khai thác thủy sản của ngư dân ven biển tỉnh Quảng Trị

DVT: %

TT	Khó khăn	Rất khó khăn	Khó khăn	Bình thường	Không khó khăn	Hoàn toàn không khó khăn
1	Công suất phương tiện	4,1	17,6	60,8	17,6	0,0
2	Vốn đầu tư	1,3	10,7	34,7	45,3	8,0
3	Lao động	4,3	20,3	47,8	15,9	11,6
4	Công nghệ khai thác	1,8	25,5	47,3	21,8	3,6
5	Công nghệ bảo quản	1,8	26,3	59,6	10,5	1,8
6	Ngư trường bị thu hẹp	1,5	8,8	33,8	50,0	5,9
7	Thị trường tiêu thụ	15,5	19,7	28,2	35,2	1,4
8	Rủi ro tàu nước ngoài va đâm	7,7	23,1	46,2	23,1	0,0
9	Giá nhiên liệu	1,5	3,0	64,2	29,9	1,5
10	Khả năng lỗ vốn khi vươn khơi	10,3	36,2	46,6	6,9	0,0
11	Rủi ro thiên tai	10,1	37,7	27,5	13,0	11,6

12	Hải sản cạn kiệt	13,5	36,5	5,4	24,3	20,3
13	Đầu nậu ép giá	8,3	18,1	52,8	18,1	2,8

Nguồn: Kết quả điều tra của ISSCR (2020)

5. Một số giải pháp phát triển bền vững ngành khai thác thủy sản tỉnh Quảng Trị trong thời gian đến

Một là, thúc đẩy phát triển các phương tiện có công suất lớn, khai thác xa bờ. Tiếp tục tập trung nâng cao hiệu quả kinh tế cho đội tàu khai thác xa bờ. Thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa quá trình chuyển đổi hợp lý ngành nghề khai thác thủy sản từ ven bờ sang vùng lộng và vùng khơi. Đối với các khu vực bãi ngang của tỉnh Quảng Trị cần tập trung định hướng chuyển đổi phát triển các ngành khai thác tại ngư trường vùng lộng và vùng khơi hơn là phát triển các hoạt động khai thác gần bờ nhằm bảo vệ các nguồn lợi thủy sản ven bờ. Để thúc đẩy nâng cao công suất tàu thuyền, phát triển khai thác xa bờ, UBND tỉnh cần tiếp tục triển khai thực hiện tốt hơn nữa các chính sách hỗ trợ đóng mới, nâng cấp, cải hoán các phương tiện có công suất lớn, nhất là các phương tiện vỏ thép, composit để góp phần phát triển khai thác xa bờ. Trong đó, cần lưu ý vận dụng linh hoạt vào thực tiễn của tỉnh để ngư dân dễ dàng tiếp cận nguồn vốn đầu tư, nhất là theo Nghị định 67 và được bổ sung tại Nghị định 89 của Chính phủ. Cần chú trọng lựa chọn đúng đối tượng thực hiện dựa trên hiệu quả kinh tế của dự án nhằm giảm thiểu nguy cơ nợ xấu cho thực hiện dự án, khi mà nợ xấu của các chủ phương tiện hiện nay là khá cao và có xu hướng tăng (Hưng Thơ, 2020).

Hai là, đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng và hậu cần nghề cá trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Chú trọng đầu tư chuẩn hóa các cảng cá hiện nay trên địa bàn tỉnh để đảm bảo phục vụ ngư dân, nhất là mở rộng, nâng cấp 02 cảng cá lớn của tỉnh là Cửa Việt, Cửa Tùng. Đầu tư nâng cấp và thường xuyên nạo vét các luồng, lạch ra vào cảng cá trên địa bàn tỉnh. Việc đầu tư nâng cấp các cảng cá phải tính đến năng lực đáp ứng các tàu vỏ thép, composit được đầu tư theo Nghị định 67 của Chính phủ. Ngoài ra, cần có các phương án xây dựng các cảng cá nhỏ khác phục vụ tốt cho nhu cầu đa dạng của ngư dân.

Ba là, tăng cường công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản, nhất là kiểm tra, giám sát và phát triển bền vững các nguồn lợi thủy sản ven bờ. Thời gian gần đây, công tác này được thực hiện tốt trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là việc khai thác hải sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định. Tuy nhiên, cần tiếp tục triển khai thực hiện tốt hơn nữa nhằm góp phần bảo vệ, kiểm soát tốt nguồn lợi thủy sản và đáp ứng các yêu cầu của thị trường xuất khẩu. Thường xuyên kiểm tra, xử phạt nặng các phương tiện sử dụng các công nghệ khai thác có tính hủy diệt làm suy giảm nguồn lợi thủy sản. Tăng cường bảo vệ, bảo tồn, kiểm tra, giám sát các khu vực bảo tồn nguồn lợi thủy sản.

Bốn là, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong khai thác và bảo quản thủy sản. Ứng dụng khoa học và công nghệ là nền tảng căn cơ cho phát triển bền vững hoạt động khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh, nhất là việc ứng dụng công nghệ mới, hiện đại trong khai thác và bảo quản sản phẩm khai thác. Đặc biệt, hiện nay với việc phát triển của khoa học công nghệ, nhiều máy móc thiết bị hiện đại phục vụ phát triển khai thác thủy sản ra đời. Trong đó, máy dò cá Sonar 360⁰ là thiết bị phục vụ rất hiệu quả cho hoạt động khai thác thủy sản, nhất là nghề lưới vây. Cần thực hiện chuyển giao các công nghệ, quy trình và kỹ thuật khai thác một số ngành nghề khai thác hiệu quả, nhất là đối với ngư dân khai thác gần bờ, nhằm từng bước hỗ trợ ngư dân vươn ra đánh bắt vùng lộng, vùng khơi. Ngoài ra, cần tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, vô tuyến, định vị vệ tinh cho cộng đồng ngư dân khai thác thủy sản, nhất là khai thác thủy sản xa bờ nhằm đảm bảo cung cấp thông tin thời tiết, thiên tai giúp ngư dân có phương án ứng phó kịp thời, đồng thời tiếp nhận tốt thông tin cứu hộ, cứu nạn

khi ngư dân gặp rủi ro, tai nạn. Xây dựng cơ sở dữ liệu về thông tin ngư trường, thị trường tiêu thụ, số hóa trong công tác quản lý đội tàu khai thác thủy sản. Đồng thời, tăng cường nâng cao trình độ đội ngũ thuyền trưởng, máy trưởng gắn với ứng dụng các công nghệ sản xuất mới.

Năm là, đẩy mạnh phát triển thị trường, nhất là thị trường xuất khẩu. Phát triển đa dạng các hoạt động chế biến, tiêu thụ sản phẩm thủy sản để hỗ trợ cho ngư dân. Quản lý tốt các đầu nậu thu mua, cơ sở thu mua thủy sản trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh triển khai và kiểm soát các hoạt động, các điều kiện để đảm bảo đáp ứng yêu cầu của thị trường xuất khẩu thủy sản.

Sáu là, tiếp tục triển khai thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ vốn, lao động, máy móc thiết bị, thị trường và tiếp cận chính sách cho cộng đồng ngư dân ven biển của tỉnh. Đặc biệt, tập trung thực thi hiệu quả hơn nữa các chính sách phát triển thủy sản từ cấp cơ sở để người dân dễ dàng tiếp cận hơn, hướng dẫn cụ thể cho ngư dân hiểu biết đầy đủ về những chính sách, những điều kiện để tiếp cận các chính sách cho phù hợp. Linh hoạt các chính sách hỗ trợ vay vốn đầu tư máy móc, thiết bị, công nghệ, ngư lưới cụ để khuyến khích ngư dân mở rộng quy mô sản xuất.

6. Kết luận

Ngành khai thác thủy sản của cộng đồng ngư dân ven biển tỉnh Quảng Trị đã đạt được những bước phát triển quan trọng và đã đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế xã hội địa phương. Số lượng và công suất của các phương tiện khai thác không ngừng tăng lên, nhất là khai thác xa bờ. Sản lượng khai thác, cơ cấu ngành nghề có những thay đổi tích cực góp phần nâng cao doanh thu, lợi nhuận cho ngư dân, qua đó nâng cao thu nhập và đời sống cho cộng đồng ngư dân vùng ven biển. Ngành khai thác thủy sản cũng bước đầu phục hồi so với trước sự cố môi trường biển năm 2016. Tuy nhiên, bên cạnh những thành công, ngành khai thác thủy sản vùng bãi ngang ven biển của tỉnh vẫn còn đứng trước nhiều hạn chế, thách thức phát triển bền vững như: phương tiện khai thác chủ yếu có công suất nhỏ, cơ cấu ngành nghề có chuyển biến theo hướng tích cực song số phương tiện khai thác gần bờ vẫn còn chiếm tỷ trọng lớn, việc ứng dụng khoa học công nghệ vào khai thác và bảo quản thủy sản còn chậm, cơ sở hạ tầng nghề cá vẫn chưa đáp ứng nhu cầu phát triển. Từ những tồn tại và hạn chế đó, bài viết đã đề xuất sáu nhóm giải pháp cơ bản nhằm phát triển bền vững ngành khai thác thủy sản của tỉnh Quảng Trị trong thời gian đến.

Tài liệu tham khảo

Cục Thống kê Quảng Trị (2016, 2019). *Niên giám thống kê năm (2016, 2019)*. Nxb Thống kê. Hoàng Hồng Hiệp (2016). Những nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của các hộ ngư dân khai thác hải sản xa bờ vùng Nam Trung Bộ. *Tạp chí Nghiên cứu kinh tế*, tr 47-53.

Hoàng Hồng Hiệp, Châu Ngọc Hòe, Vũ Thái Hạnh (2018). Phát triển ngành khai thác thủy sản vùng bãi ngang ven biển tỉnh Quảng Nam. *Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung*.

ISSCR (2020). Số liệu điều tra của dự án “Điều tra thực trạng đời sống kinh tế - xã hội ngư dân ven biển Bắc Trung Bộ sau sự cố môi trường biển năm 2016”. *Dự án cấp Bộ*.

Tổng cục Thống kê (2021). Số liệu thống kê. Truy xuất từ www.gso.gov.vn ngày 01/08/2021.

UBND tỉnh Quảng Trị (2020). Báo cáo tình hình kinh tế xã hội tỉnh Quảng Trị năm 2020. Truy xuất từ <https://quangtri.gov.vn/>, ngày 01/08/2021.

Bảo Bình (2020). Phát huy vai trò của cảng cá trong phát triển hậu cần nghề cá. Truy xuất từ <http://baoquangtri.vn>, ngày 01/08/2021.

Hưng Thơ (2020). Nợ cho vay theo Nghị định 67 ở Quảng Trị khó đòi. Truy xuất từ <https://laodong.vn/>, ngày 01/08/2021.